

Số: /BC-ĐGS

Bắc Kạn, ngày tháng 3 năm 2022

## **BÁO CÁO**

**Kết quả giám sát việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh Bắc Kạn**

Thực hiện Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh, Đoàn giám sát đã xây dựng, ban hành kế hoạch chi tiết và tổ chức giám sát trực tiếp trong các ngày 01, 02, 03, 04 và 15/3/2022 tại UBND tỉnh và một số đơn vị, địa phương. Kết quả giám sát như sau:

### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện nghị quyết**

a) Kết quả đạt được: Sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 về việc quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (*Nghị quyết số 08*), UBND tỉnh có Văn bản số 4206/UBND-KTTCKT ngày 30/7/2019 chỉ đạo các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phổ biến, triển khai hiệu quả nghị quyết của HĐND tỉnh theo đúng quy định. Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 08.

Qua quá trình triển khai thực hiện, để phù hợp với tình hình thực tế, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 08 của HĐND tỉnh (*Nghị quyết số 10*). Đồng thời chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tuyên truyền, phổ biến, triển khai, thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo các nghị quyết của HĐND tỉnh do đó các đối tượng được hỗ trợ trên địa bàn tỉnh cơ bản nắm và tiếp cận được.

Các Sở: Tài chính, Công Thương đã ban hành các văn bản hướng dẫn bổ sung thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa và đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện<sup>1</sup>. UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch tổ

---

<sup>1</sup> Công văn số 832/SCT-CN ngày 14/8/2019 về việc thực hiện Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh; Công văn số 188/SCT-QLTM ngày 16/3/2020 về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng và hồ sơ thanh quyết toán đầu tư xây dựng công trình nhà xưởng sản xuất miễn đóng; Công văn số 834/SCT-QLTM ngày 31/7/2020 về việc hướng dẫn thực hiện Bước 2 về hỗ trợ xây dựng

chức thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo nghị quyết của HĐND tỉnh.

Hàng năm, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xét, lựa chọn các danh mục dự án liên kết trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục dự án theo thẩm quyền.

**b) Hạn chế:**

- Công tác hướng dẫn thực hiện nghị quyết chưa kịp thời<sup>2</sup>, chưa đầy đủ, nên một số địa phương triển khai thực hiện còn chậm<sup>3</sup>; quá trình triển khai thực hiện còn lúng túng, các sở chuyên môn phải ban hành nhiều văn bản hướng dẫn bổ sung. Tuy nhiên việc hướng dẫn thủ tục, hồ sơ thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ còn rườm rà, phức tạp, thiếu thống nhất giữa cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Việc phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương trong công tác tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp còn chưa được thường xuyên.

- Cách thức tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết tại mỗi địa phương chưa thống nhất, có huyện xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh, có huyện sao văn bản gửi UBND cấp xã thực hiện.

- Chưa có cơ quan đầu mối tham mưu giúp UBND tỉnh trong việc chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn nói chung nên giữa các chính sách chưa có sự liên kết để đạt được mục tiêu chung là phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Cấp ủy, chính quyền một số địa phương chưa thực sự quan tâm đến việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo nghị quyết của HĐND tỉnh.

**2. Công tác kiểm tra, đôn đốc**

a) Kết quả đạt được: Để thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, UBND tỉnh thường xuyên tổ chức các cuộc họp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, lồng ghép nội dung kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08 và Nghị quyết số 10 của HĐND tỉnh vào các buổi kiểm tra tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương, sau mỗi cuộc kiểm tra đều ban hành các thông báo kết luận và chỉ đạo các đơn vị các biện pháp tổ chức thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo nghị quyết của HĐND tỉnh<sup>4</sup>; bên cạnh đó UBND tỉnh đã tổ

---

và mua sắm trang thiết bị cho điểm trưng bày theo Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh. Công văn số 1604/STC-QLNS ngày 15/10/2020 của Sở Tài chính về việc trả lời một số nội dung vướng mắc trong thực hiện hỗ trợ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; Công văn số 1884/STC-QLNS ngày 26/11/2020 của Sở Tài chính về việc trả lời vướng mắc của UBND huyện Chợ Đồn tại Công văn số 1893/UBND-NN&PTNT liên quan đến dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

<sup>2</sup> Nghị quyết số 08 ban hành từ ngày 17/7/2019 nhưng đến ngày 27/12/2019, UBND tỉnh mới ban hành hướng dẫn thực hiện.

<sup>3</sup> Năm 2020, thực hiện 14 dự án liên kết sản xuất, trong đó 03 huyện không có dự án gồm: Ngân Sơn, Pác Nặm và thành phố Bắc Kạn.

<sup>4</sup> Thông báo số 345/TB-UBND ngày 17/12/2020 về Kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Đỗ Thị Minh Hoa tại cuộc họp ngày 14/12/2020; Thông báo số 83/TB-UBND ngày 27/4/2021 về Kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đỗ Thị Minh Hoa tại buổi kiểm tra công tác triển khai và tiến độ thực hiện Chương

chức các cuộc đối thoại với các doanh nghiệp, HTX để lựa chọn nội dung, sản phẩm cần liên kết sản xuất nhằm phát triển nhân rộng trong sản xuất đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

b) Hạn chế:

- Công tác nắm bắt, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc (*về thủ tục, hồ sơ thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ*) trong quá trình thực hiện còn chưa kịp thời.

- Các cấp, các ngành, địa phương chưa thật sự chủ động phối hợp trong công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 08 VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 10**

Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn quy định tại Nghị quyết số 08 và Nghị quyết số 10 của HĐND tỉnh gồm 02 nội dung, cụ thể:

- Hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, quy định 06 nội dung<sup>5</sup>. Đối tượng hỗ trợ là người nông dân, cá nhân, doanh nghiệp, HTX, liên hiệp HTX.

- Chính sách hỗ trợ phát triển hàng hóa quy định 03 nội dung<sup>6</sup>. Đối tượng hỗ trợ gồm doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, trang trại, cơ sở sản xuất miền đông.

Quá trình thực hiện, cơ bản các đối tượng (*trừ trang trại*) đều được tiếp cận và thụ hưởng chính sách; riêng chính sách hỗ trợ tín dụng chưa thực hiện được.

Tổng kinh phí đã phân bổ trong 2 năm 2020-2021 là 19.893 triệu đồng (*trong đó ngân sách tỉnh 15.172 triệu đồng; ngân sách Trung ương 4.721 triệu đồng*); số đã giải ngân đến 30/01/2022 là 15.340 triệu đồng, bằng 77,1% số kinh phí đã phân bổ. Theo dự kiến ngân sách tỉnh hằng năm hỗ trợ để thực hiện nghị quyết là 21.750 triệu đồng, 02 năm là 43.500 triệu đồng, tuy nhiên ngân sách tỉnh hỗ trợ trong 02 năm mới được 15.172 triệu đồng, bằng 35%, chưa đạt kế hoạch so với số kinh phí dự kiến thực hiện nghị quyết.

*(Chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo)*

### **1. Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp**

a) Kết quả đạt được: Trong 02 năm 2020-2021, UBND tỉnh đã lựa chọn và phê duyệt được 41 danh mục dự án liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản

---

trình mục tiêu quốc gia tại các huyện và các xã về đích nông thôn mới năm 2021; Thông báo số 224/TB-UBND ngày 07/6/2021 về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đỗ Thị Minh Hoa tại buổi làm việc với Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối nông thôn mới, Chi cục Phát triển nông thôn ngày 01/6/2021.

<sup>5</sup> (1) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (2) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết; (3) Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông (4) Hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường (5) Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (6) Hỗ trợ chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

<sup>6</sup> (1) Hỗ trợ cơ sở sản xuất miền đông. (2) Hỗ trợ xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm, gồm: Chính sách hỗ trợ tín dụng; hỗ trợ 02 điểm trưng bày và tiêu thụ sản phẩm; bố trí kinh phí thực hiện đánh giá, xếp loại, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm hàng hóa. (3) Hỗ trợ kinh phí thẩm định, phân tích mẫu để cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; cấp giấy chứng nhận sản xuất và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

phẩm nông nghiệp (năm 2020 phê duyệt 14 danh mục dự án, năm 2021 phê duyệt 27 danh mục dự án), trong đó có 05 dự án cấp tỉnh và 36 dự án cấp huyện. Do dịch bệnh Covid-19 nên năm 2021 có 08/27 dự án không triển khai thực hiện được. Tổng 02 năm có 33/41 dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được triển khai thực hiện.

Tổng kinh phí phân bổ để thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất là 17.625 triệu đồng; số đã giải ngân đến 31/01/2022 là 13.276 triệu đồng, bằng 75,3% số vốn đã phân bổ.

(Chi tiết tại Biểu 02 và 03 kèm theo)

Thực hiện chính sách liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đã có 1.022 hộ dân tham gia liên kết sản xuất, 100% các sản phẩm từ dự án liên kết được chủ trì liên kết thu mua, sơ chế, chế biến và tiêu thụ.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt hỗ trợ dự án, hồ sơ thanh quyết toán đề nghị hỗ trợ kinh phí dự án liên kết còn phức tạp, phải có nhiều loại giấy tờ chứng minh, khó khăn trong quá trình thực hiện, dẫn đến một số HTX không tha thiết thực hiện chính sách.

- Việc lựa chọn, phê duyệt danh mục dự án liên kết còn có dự án chưa gắn với ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh (theo Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND tỉnh) và không có điều kiện phát triển nhân rộng<sup>7</sup>.

- Số dự án đăng ký liên kết sản xuất nhiều nhưng số dự án được phê duyệt thực hiện còn ít (41/79 dự án được phê duyệt, bằng 51,9% tổng số dự án đăng ký). Một số HTX được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ của Nhà nước với tổng kinh phí hỗ trợ lớn để đầu tư xây dựng nhà xưởng, máy móc, thiết bị sản xuất nhưng chưa có cơ chế quản lý tài sản hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ để đảm bảo duy trì và phát triển lâu dài<sup>8</sup>.

- UBND các huyện, thành phố thực hiện việc phê duyệt dự án liên kết sản xuất là chưa đúng theo quy định. Theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Hướng dẫn của UBND tỉnh quy định: UBND cấp huyện chỉ ra quyết định phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết.

- Việc thực hiện các dự án liên kết đã từng bước hình thành vùng nguyên liệu tập trung có thế mạnh của địa phương. Tuy nhiên, quy mô còn nhỏ, thiếu bền vững; thiếu sự tham mưu của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh trong việc định hướng một số dự án liên kết gắn với sản phẩm có thế mạnh của tỉnh.

c) Nguyên nhân:

---

<sup>7</sup> Huyện Na Rì có dự án liên kết sản xuất Ớt không có trong nhóm ngành hàng, sản phẩm quan trọng của tỉnh; huyện Ba Bể có dự án hỗ trợ chăn nuôi thủy sản nhưng quy mô nhỏ, không có điều kiện về diện tích để phát triển nhân rộng.

<sup>8</sup> HTX Tân Thành được hưởng 05 chính sách hỗ trợ của nhà nước với tổng kinh phí hỗ trợ trên 7 tỷ đồng.

*\* Khách quan:*

- Các HTX trên địa bàn tỉnh cơ bản mới được cơ cấu lại theo Luật HTX năm 2012 từ năm 2016 đến nay nên công tác quản trị, năng lực còn yếu, quy mô hoạt động nhỏ, liên kết chưa hiệu quả, thiếu bền vững; tổ chức hoạt động chưa đảm bảo đúng Luật Hợp tác xã năm 2012, mặc dù đã được tỉnh quan tâm tuyên truyền, bồi dưỡng, tập huấn (*trong năm 2021 có 65/210 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp có báo cáo tài chính, chiếm 31%*).

- Quá trình triển khai thực hiện chính sách còn gặp khó khăn, do tác động, ảnh hưởng của dịch Covid-19.

- Việc quy định thủ tục, hồ sơ thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách còn phức tạp, khó thực hiện; không thống nhất giữa cấp tỉnh với cấp huyện, giữa các huyện còn có hướng dẫn khác nhau.

*\* Chủ quan:*

- Công tác phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương chưa được thường xuyên; công tác hướng dẫn thực hiện nghị quyết chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ.

- Một số nội dung quy định chính sách liên kết tại Nghị quyết số 08 còn bất cập, cụ thể:

+ Việc quy định quy mô dự án được hỗ trợ trong lĩnh vực chăn nuôi đối với một số loại vật nuôi như trâu, bò, dê chưa phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, năng lực của HTX, nên chưa có nhiều HTX tiếp cận được chính sách hỗ trợ.

+ Việc quy định mức hỗ trợ giống, vật tư tối đa không quá 900 triệu đồng/dự án (*300 triệu đồng/01 vụ hoặc 01 chu kỳ*) quy định cho tất cả các dự án trong các lĩnh vực (*trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp*) chưa phù hợp. Các dự án chăn nuôi thường có quy mô, kinh phí lớn nhưng mức hỗ trợ thấp so với tổng kinh phí đầu tư dự án liên kết (*như dự án chăn nuôi trâu, bò*).

+ Chưa có quy định về việc công nhận đối với giống bản địa đủ tiêu chuẩn (*như gừng, nghệ, lợn đen bản địa...*) để cung ứng giống cho các dự án liên kết, nên khó khăn trong việc lập chứng từ thanh toán đề nghị hỗ trợ.

+ Việc hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất liên kết từ ngân sách nhà nước là 30% còn thấp, trình tự, thủ tục liên quan đến xây dựng còn phức tạp nên còn ít doanh nghiệp, HTX đề nghị hỗ trợ.

+ Về hỗ trợ bao bì, nhãn mác sản phẩm: Trong cùng một sản phẩm của doanh nghiệp, HTX nhưng sản xuất có nhiều mẫu mã sản phẩm khác nhau, việc quy định chỉ được hỗ trợ một loại nhãn mác sản phẩm là chưa phù hợp (*như sản phẩm nghệ có nhiều thể loại mẫu mã: dạng viên, loại bột...*); việc quy định nội dung hỗ trợ “*thiết kế bao bì*” là chưa phù hợp, vì thực tế chi phí in ấn, mua bao bì, nhãn mác là chủ yếu, còn chi phí thiết kế mẫu mã, bao bì, nhãn mác chỉ chiếm một phần nhỏ.

- Tình trạng một bộ phận người dân vẫn sản xuất theo hướng tự phát, khi thấy sản phẩm được giá là tập trung sản xuất đã làm phá vỡ vùng quy hoạch; một số người dân khi tham gia liên kết không chấp hành đúng các quy định theo cam kết (*như trồng, chăm sóc không theo quy trình hoặc bán ra thị trường khi được giá cao hơn...*).

## 2. Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa

a) Kết quả đạt được: Tổng kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa là 2.267,660 triệu đồng, trong đó:

- Hỗ trợ cơ sở sản xuất miền dong: Quá trình thực hiện chỉ có 01 HTX Tài Hoan được hỗ trợ với tổng kinh phí là 726,614 triệu đồng. Hiện nay, HTX đang hoạt động sản xuất ổn định và hiệu quả, sản lượng miền dong năm 2021 đạt 300 tấn (*tăng 100 tấn so với năm 2020*). Sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP 5 sao năm 2020, đủ điều kiện xuất khẩu và được người tiêu dùng ưa chuộng.

- Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại:

+ Thực hiện hỗ trợ 02 điểm trưng bày, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tại thành phố Bắc Kạn và thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể (*Công ty Cổ phần Curcumin Bắc Hà tại thành phố Bắc Kạn và HTX Sang Hà tại huyện Ba Bể*), kinh phí hỗ trợ là 1 tỷ đồng (*500 triệu đồng/điểm*). Hiện nay, 02 điểm trưng bày đã đi vào hoạt động, mỗi điểm có khoảng 50 sản phẩm, bao gồm các sản phẩm chủ yếu như sản phẩm OCOP, sản phẩm nông sản của địa phương được trưng bày, giới thiệu cho người dân trong và ngoài tỉnh.

+ Hỗ trợ kinh phí thực hiện đánh giá, xếp loại, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm hàng hóa: Trong năm 2019 và 2020, UBND tỉnh đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Xúc tiến thương mại nông nghiệp, thành phố Hà Nội, các siêu thị tại Hà Nội tổ chức các tuần lễ quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông sản đặc sản của tỉnh đến với người tiêu dùng thủ đô Hà Nội<sup>9</sup>. Qua đó giúp cho một số Doanh nghiệp, HTX ký kết hợp đồng cung cấp sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bắc Kạn cho các siêu thị, Doanh nghiệp ngoại tỉnh, như: Miền dong, Bí xanh thơm, Hồng không hạt, Nấm sò, Mộc nhĩ... Kinh phí thực hiện các hoạt động quảng bá, giới thiệu các sản phẩm hàng hóa là 472 triệu đồng.

+ Chính sách hỗ trợ kinh phí cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; cấp giấy chứng nhận sản xuất theo QCVN 01-132:2013/BNNPTNT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khác như chứng nhận VietGAP, Globalgap, GAP, GMP, HACCP,...; cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy chuẩn hiện hành; phân tích sản phẩm để tự công bố sản phẩm: Tổng số có 13 HTX và tổ hợp tác được hỗ trợ kinh phí thẩm định, phân tích mẫu để cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm với số tiền là 69,04 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Biểu 04 kèm theo)*

b) Tồn tại, hạn chế:

- Số HTX, cơ sở sản xuất miền dong được hưởng chính sách hỗ trợ còn ít (*mới có 01 HTX*).

- Vị trí của 02 điểm trưng bày, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm nông

<sup>9</sup> Năm 2019: Tổ chức tuần lễ giới thiệu sản phẩm Hồng không hạt và các sản phẩm nông sản sạch tỉnh Bắc Kạn.

Năm 2021: Tổ chức tuần lễ giới thiệu sản phẩm Bí xanh thơm, Gao Japonica và các sản phẩm nông sản sạch tỉnh Bắc Kạn.

nghiệp tại thành phố Bắc Kạn và huyện Ba Bể chưa phù hợp, xa trung tâm, không thuận tiện cho du khách đến thăm quan và mua sắm.

- Chính sách hỗ trợ tín dụng chưa thực hiện được do các HTX khi vay vốn Ngân hàng hầu như không có tài sản đảm bảo mà thường sử dụng tài sản của thành viên HTX, nên rất khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay.

- Nghị quyết số 08 quy định hỗ trợ kinh phí thẩm định, phân tích mẫu để cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, ... mức hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/HTX, trang trại; không quá 5 triệu đồng/tổ hợp tác. Qua giám sát cho thấy việc hỗ trợ chi phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm không lớn, HTX có thể tự đảm bảo được (*huyện Na Rì hỗ trợ cho 05 HTX với tổng kinh phí là 16,86 triệu đồng*). Chi phí thẩm định cấp giấy chứng nhận VietGap, GAP, GMP tương đối cao (*từ 100-200 triệu đồng*) trong khi mức hỗ trợ tối đa chỉ được 30 triệu đồng, ít HTX thực hiện.

c) Nguyên nhân:

- Năng lực của các HTX không đáp ứng quy mô công suất chế biến miền dong đạt sản lượng 100 tấn miền/năm trở lên theo quy định nên không đủ điều kiện để được hưởng chính sách hỗ trợ; việc định hướng, tuyên truyền liên kết đối với sản phẩm miền chưa được quan tâm chỉ đạo.

- Các doanh nghiệp, HTX không có mặt bằng ở khu trung tâm đáp ứng yêu cầu về diện tích và phải là đất thương mại, dịch vụ nên không lựa chọn được vị trí trung bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp tại khu vực trung tâm. Trong khi chính sách hỗ trợ của tỉnh chưa quy định hỗ trợ về đất đai, mặt bằng xây dựng, đồng thời UBND tỉnh chưa có định hướng về địa điểm xây dựng điểm trung bày và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

### **3. Đánh giá chung**

Sau hơn 02 năm thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo Nghị quyết số 08 và Nghị quyết số 10 của HĐND tỉnh, đã đạt được những kết quả nhất định. Việc liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đã tạo ra vùng nguyên liệu đảm bảo ổn định, bước đầu hình thành các vùng nguyên liệu, vùng sản xuất tập trung thu hút và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn; đảm bảo cho các bên tham gia liên kết yên tâm sản xuất, các hộ dân có thu nhập ổn định, không lo đầu ra cho sản phẩm và thị trường tiêu thụ; đã tạo ra một số sản phẩm có giá trị kinh tế cao, đủ sức cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Qua đó, đã từng bước làm thay đổi nhận thức của người dân trong sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phát huy thế mạnh của địa phương; công nghệ chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch đã từng bước được nâng cao; một số hợp tác xã đã chú trọng đầu tư vào chế biến, giúp nâng cao chất lượng, mẫu mã và đa dạng các mặt hàng nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đến nay, đã có trên 155 sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn từ 3 sao trở lên, một số sản phẩm hàng hóa có thương hiệu của tỉnh cung ứng rộng khắp trong và ngoài nước như: Miền dong của HTX Tài Hoan, Bí xanh thơm Ba Bể. Góp phần vào tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, sử dụng đất hiệu quả hơn. Trong điều kiện dịch Covid-19 diễn biến

phức tạp, ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế của tỉnh nhưng tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp vẫn đạt khá (*năm 2020 đạt 3,7%; năm 2021 đạt 4,2%*).

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện nghị quyết cũng bộc lộ một số bất cập, như: Công tác tuyên truyền, vận động thực hiện nghị quyết còn hạn chế, thiếu sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức Hội, đoàn thể; hệ thống chỉ đạo sản xuất còn yếu kém, cán bộ trực tiếp chỉ đạo sản xuất tại cơ sở ở một số nơi còn yếu, chưa thường xuyên, sâu sát giúp đỡ các HTX nông nghiệp trên địa bàn hoạt động; vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước, nhất là người đứng đầu một số huyện, xã trong chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện nghị quyết chưa thực sự được quan tâm; năng lực nội tại của các đối tượng thụ hưởng chính sách còn yếu, nhất là năng lực của đơn vị chủ trì liên kết; việc liên kết sản xuất còn manh mún, sản phẩm chưa đủ lớn để trở thành hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường.

Một số chính sách ban hành chưa phù hợp với thực tế nên quá trình triển khai thực hiện còn gặp khó khăn, vướng mắc nhưng công tác phối hợp giữa các ngành, địa phương để giải quyết chưa kịp thời. Một số thành viên UBND tỉnh, lãnh đạo các sở, ngành, UBND cấp huyện chưa thực hiện hết trách nhiệm trong tham gia ý kiến xây dựng chính sách; công tác thẩm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết, nghiên cứu, thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh trước khi thông qua chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp chưa sâu; việc giám sát của Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh chưa thường xuyên, chưa kịp thời phản ánh với HĐND tỉnh những bất cập trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết.

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

#### **1. Đối với HĐND và đại biểu HĐND tỉnh**

- Cần nâng cao trách nhiệm người đại biểu dân cử trong tham gia xây dựng chính sách và giám sát việc thực hiện chính sách theo nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Thường trực HĐND tỉnh xem xét, tổ chức phiên giải trình, tổ chức tiếp xúc cử tri chuyên đề đối với dự thảo nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn tiếp theo, để tham mưu cho HĐND tỉnh quyết định ban hành chính sách đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

#### **2. Đối với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh**

Chỉ đạo các tổ chức thành viên tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các đoàn viên, hội viên thực hiện tốt các chính sách của tỉnh.

#### **3. Đối với UBND tỉnh**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tổ chức triển khai đầy đủ, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát chính sách hỗ trợ quy định tại các nghị quyết của HĐND tỉnh và tham khảo các tỉnh có đặc điểm tương đồng với tỉnh Bắc Kạn để tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh bám sát theo Nghị quyết số 10-



NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh Bắc Kạn, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, khắc phục những hạn chế mà Đoàn Giám sát đã chỉ ra, trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định ban hành chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh thay thế Nghị quyết số 08 và Nghị quyết số 10 của HĐND tỉnh, trong đó đề nghị quan tâm:

+ Quan tâm đề xuất các chính sách hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu hình thức tổ chức sản xuất mà trọng tâm là đẩy mạnh, đa dạng hình thức liên kết trong tổ chức sản xuất đối với các cây trồng, vật nuôi có lợi thế của tỉnh.

+ Về nguyên tắc hỗ trợ: Đề nghị ưu tiên các ngành hàng, sản phẩm chủ lực của tỉnh.

+ Việc lựa chọn đối tượng hỗ trợ phải có chỉ đạo, định hướng của tỉnh, ngoài việc hỗ trợ cho người sản xuất (*bao gồm hộ gia đình, cá nhân, trang trại, tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp*), các bên tham gia liên kết với quy mô phù hợp thì cần tập trung nguồn lực hỗ trợ một số doanh nghiệp, HTX đủ mạnh để làm chủ trì liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông lâm nghiệp của người dân trong tỉnh, thực sự là “*đầu tàu*” để thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp trở thành hàng hóa, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Việc xây dựng hướng dẫn thực hiện nghị quyết cần đảm bảo đầy đủ các nội dung, thống nhất ngay từ đầu, tránh tình trạng sau khi có hướng dẫn của UBND tỉnh, các sở, ngành chuyên môn tiếp tục có hướng dẫn bổ sung; chỉ đạo cơ quan chuyên môn tiếp tục nghiên cứu, đơn giản hóa quy trình, thủ tục, hồ sơ thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng hỗ trợ tiếp cận được chính sách.

- Quy định về quản lý sử dụng tài sản có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà xưởng, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp của doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh.

#### **4. Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Căn cứ mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Tỉnh ủy và tham khảo việc ban hành chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp của các tỉnh có đặc điểm tương đồng với tỉnh Bắc Kạn để tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp đảm bảo phù hợp với thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, phát huy hiệu quả, đáp ứng mục tiêu đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác hướng dẫn thực hiện nghị quyết đảm bảo đầy đủ, thống nhất ngay từ đầu.

- Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện tại các địa phương, cơ sở để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh.

#### **5. Đối với Sở Công Thương**

- Tăng cường tổ chức các hội nghị xúc tiến thương mại, giới thiệu và quảng bá sản phẩm nông nghiệp của tỉnh bằng nhiều hình thức.

- Đánh giá hoạt động của các điểm trưng bày, giới thiệu và quảng bá sản phẩm nông nghiệp; tham mưu cho UBND tỉnh lựa chọn địa điểm xây dựng điểm trưng bày, giới thiệu và quảng bá sản phẩm tại các địa phương đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

## **6. Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm là cơ quan quản lý nhà nước tham mưu chính cho UBND tỉnh đối với công tác phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn hoạt động của các HTX đảm bảo đúng luật; hướng dẫn việc thu hồi giấy phép kinh doanh đối với HTX hoạt động không đúng luật hoặc không hoạt động, thực hiện các thủ tục giải thể HTX theo quy định.

## **7. Đối với Sở Tài chính**

Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí đủ kinh phí để thực hiện các nội dung hỗ trợ theo các chính sách đã được quy định tại các nghị quyết của HĐND tỉnh; hướng dẫn cụ thể thủ tục thanh quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp; phối hợp với các ngành liên quan nghiên cứu, đơn giản hóa thủ tục, điều kiện thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ.

## **8. Đối với Liên minh Hợp tác xã tỉnh**

- Lựa chọn nội dung tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho các HTX đảm bảo sát với nhu cầu thực tiễn của HTX (*tập huấn về kỹ thuật sản xuất, năng lực quản trị, kế toán, tài chính, thăm quan, học tập kinh nghiệm...*), nâng cao năng lực cho các HTX.

- Phối hợp cung cấp thông tin cho các cơ quan liên quan khi xét duyệt chính sách hỗ trợ của nhà nước cho HTX, tránh tình trạng ngân sách nhà nước hỗ trợ xong HTX tạm ngừng hoạt động hoặc giải thể.

- Tiếp tục mở rộng mô hình Liên hiệp HTX để liên kết sản xuất hiệu quả, bền vững.

## **9. Đối với UBND các huyện, thành phố**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tổ chức triển khai đầy đủ, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo nghị quyết của HĐND tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các chế độ tài chính, kế toán của HTX, liên hiệp HTX theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, nắm bắt nhu cầu, phối hợp giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị chính đáng của người dân, doanh nghiệp, HTX cũng như tăng cường hướng dẫn, giải quyết các thủ tục, hồ sơ, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp, HTX tiếp cận về đất đai, hạ tầng, kỹ thuật, tín dụng và các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước.

- Quan tâm chỉ đạo, đôn đốc lãnh đạo xã, cán bộ phòng chuyên môn và cán

bộ phụ trách nông lâm nghiệp cấp xã nắm chắc các chính sách hỗ trợ của tỉnh hướng dẫn các tổ chức, người dân tiếp cận chính sách, sử dụng kinh phí hỗ trợ hiệu quả.

### **10. Đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã**

- Kiện toàn tổ chức bộ máy hoạt động đảm bảo đúng Luật Hợp tác xã năm 2012; chủ động tìm hiểu thông tin, tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

- Chú trọng xây dựng phương án sản xuất kinh doanh phù hợp, có tính khả thi để thuận lợi trong việc tiếp cận nguồn vốn, chính sách hỗ trợ của Nhà nước để phát triển doanh nghiệp, HTX.

- Thành lập Liên hiệp HTX, tăng cường liên kết, mở rộng quy mô sản xuất, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước, duy trì và phát triển sản xuất theo đúng các nội dung dự án đã được phê duyệt.

- Tăng cường các giải pháp tiếp cận cơ chế chính sách, tìm kiếm thị trường, mở rộng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, chú trọng việc xây dựng sản phẩm có thương hiệu, đặc trưng thể mạnh của địa phương.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh./.

#### **Nơi nhận:**

- TT.HĐND tỉnh;
- Các thành viên Đoàn giám sát;
- UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ban Tuyên giáo;  
Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,  
Tài chính, Công Thương; Kế hoạch và Đầu tư;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Các doanh nghiệp, HTX (*đối tượng giám sát*);
- TT HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Phòng CT HĐND;
- Lưu: VT, HS.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT  
TRƯỞNG ĐOÀN**

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH  
Hoàng Thu Trang**